

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phi thuế quan Phú Quốc (thuộc Quy hoạch phân khu xây dựng Khu phi thuế quan Phú Quốc) tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 1.041.487,89m<sup>2</sup>

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17/6/2009;  
Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, ngày 20/11/2018;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, ngày 17/6/2020;  
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP, ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;  
Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg, ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 868/QĐ-TTg, ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 486/QĐ-TTg, ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;  
Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;  
Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/12/2022 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD, ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 962/QĐ-UBND, ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND, ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND, ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu phi thuế quan tại xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-UBND, ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu phi thuế quan Phú Quốc tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 104,14ha;

Căn cứ Công văn số 4352/VP-KT, ngày 20/7/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc lập Quy hoạch phân khu 1/2000 Khu phi thuế quan Phú Quốc tại xã Hàm Ninh, Phú Quốc;

Căn cứ Công văn số 1081/BXD-QHKT ngày 01/4/2022 của Bộ Xây dựng về việc lập Quy hoạch Khu phi thuế quan Phú Quốc tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc;

Căn cứ Thông báo số 676/TB-VP ngày 22/7/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang Thông báo Kết luận của lãnh đạo UBND tỉnh về việc lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu phi thuế quan Phú Quốc tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8830104145, ngày 02/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-BQLKKTPO, ngày 14/9/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phi thuế quan Phú Quốc (thuộc Quy hoạch phân khu xây dựng khu phi thuế quan Phú Quốc) tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 1.041.487,89m<sup>2</sup>;

Căn cứ Biên bản họp số 86/BB-BQLKKTPO, ngày 27/9/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc lấy ý kiến thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phi thuế quan Phú Quốc, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 1.041.487,8m<sup>2</sup>;

Căn cứ Biên bản họp số 95/BB-UBND ngày 17/8/2022 của UBND xã Hàm Ninh về việc tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư với Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu phi thuế quan Phú Quốc quy mô 1.041.487,89m<sup>2</sup> tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 79/PCCC, ngày 07/9/2022 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Kiên Giang về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Công văn số 1595/SGTVT-KCHT&CLCT ngày 28/11/2022 của Sở giao thông Vận tải Kiên Giang về việc ý kiến đầu nối giao thông của dự án Khu phi thuế quan Phú Quốc, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 1834/CVMN-QLC ngày 25/11/2022 của Cảng vụ Hàng không Miền Nam về việc đóng góp ý kiến về độ cao cho phép xây dựng công trình khu phi thuế quan Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-BQLKKTPO ngày 21/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phi thuế Quan Phú Quốc (thuộc Quy hoạch phân khu xây dựng Khu phi thuế quan Phú Quốc) tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 1.041.487,89m<sup>2</sup>.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương tại Tờ trình số 453-2022/TTr-LTBD, ngày 06/12/2022 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phi thuế quan Phú Quốc tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 1.041.487,89m<sup>2</sup>; Báo cáo số 04./BC-QLQH, ngày 12/10/2023 của Phòng Quản lý Quy hoạch.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phi thuế quan Phú Quốc tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 1.041.487,89m<sup>2</sup>, với các nội dung cụ thể như sau:

### 1. Vị trí giới hạn và phạm vi quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu, lập Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng có quy mô khoảng 1.041.487,89m<sup>2</sup> tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| - Phía Tây và Tây Bắc giáp: | Trục đường Bắc Nam<br>(đường TL ĐT46). |
|-----------------------------|--|

- Phía Đông Bắc và Tây Nam giáp: Rừng phòng hộ.
- Phía Đông Nam giáp: KDL phía Tây Nam Bãi Vòng.

- **Diện tích: Rộng khoảng** 1.041.487,89m<sup>2</sup> (trong đó, khu phi thuế quan khoảng 1.015.406,98m<sup>2</sup>, đất giao thông thuộc trục đường Bắc Nam khoảng 26.080,91m<sup>2</sup>).

## **2. Mục tiêu quy hoạch:**

- Việc lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phi thuế quan Phú Quốc nhằm cụ thể hóa Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu phi thuế quan Phú Quốc đã được phê duyệt.

- Xác định tính chất, chức năng và quy mô của từng ô đất trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng.

- Đưa ra các hình thức kiến trúc các công trình đặc trưng của Việt Nam phù hợp với điều kiện khí hậu của đảo.

- Xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch-xây dựng làm cơ sở cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Chủ động trong kế hoạch sử dụng đất, phân kỳ đầu tư và khai thác.

- Đảm bảo việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội phù hợp với các khu vực xung quanh.

- Dự báo và đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu và tránh tác động tiêu cực đến môi trường.

## **3. Tính chất, chức năng quy hoạch:**

Khu quy hoạch được xác định là Khu phi thuế quan của đảo Phú Quốc với các chức năng theo quy định tại Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đảo Phú Quốc như sau: Khu thương mại dịch vụ và khu công nghiệp sạch được ngăn cách bởi cổng, trạm kiểm soát. Trong khu phi thuế quan không được phép có dân cư (kể cả người nước ngoài) lưu trú thường xuyên.

## **4. Quy mô phục vụ:**

- Dự kiến sau khi hoàn thành Khu phi thuế quan Phú Quốc sẽ đáp ứng cho khoảng 37.000 người/ngày, trong đó đội ngũ cán bộ nhân viên khoảng 7.000 người, khách tham quan vắng lại khoảng 30.000 người.

## **5. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật:**

### **5.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:**

- Mật độ xây dựng (gộp) toàn khu là 38,89% (không bao gồm diện tích đất trục đường giao thông Bắc Nam; đường Đồng Tranh).

- Tầng cao xây dựng tối đa là 07 tầng.

- Hệ số sử dụng đất toàn khu tối đa là 1,69 lần (không bao gồm diện tích đất trục đường giao thông Bắc Nam; trục đường Đồng Tranh).

## 5.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

### 5.2.1. Cấp nước:

- + Khu phi thuế quan : 2,0 lít/m<sup>2</sup>sàn/ngày.
- + Công trình công cộng và dịch vụ : 2,0 lít/m<sup>2</sup>sàn/ngày.
- + Tưới công viên, vườn hoa : 3,0 lít/m<sup>2</sup>ngày.
- + Rửa đường : 0,5 lít/m<sup>2</sup>ngày.
- + Chữa cháy : 15 lít/s, số lượng đám cháy xảy ra đồng thời là 02 trong 3 giờ.

### 5.2.2. Cấp điện:

- + Công trình công cộng, dịch vụ, thương mại : 20 - 30W/m<sup>2</sup> sàn.
- + Chiếu sáng sân, đường : 1,0W/m<sup>2</sup>.
- + Chiếu sáng công viên, vườn hoa : 0,5W/m<sup>2</sup>.

5.2.3. Thoát nước thải :  $\geq 80\%$  tổng lưu lượng nước cấp cần xử lý.

### 5.2.4. Rác thải

- Rác thải : 0,01kg/m<sup>2</sup> sàn/ngày.

## 5.3. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
A	Đất phi thuế quan	1.015.406,98	100,00
I	Đất phi thuế quan	293.828,24	28,94
II	Đất thương mại dịch vụ, văn phòng trong khu phi thuế quan	501.488,52	49,39
III	Đất hành chính công cộng	4.629,81	0,46
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	10.424,90	1,02
V	Đất cây xanh, mặt nước	102.256,86	10,07
IV	Đất giao thông - bãi xe	102.778,65	10,12
B	Đất giao thông trục đường Bắc Nam	26.080,91	
<b>Tổng</b>		<b>1.041.487,89</b>	



## 6. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng:

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao xây dựng (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa	Số công trình/căn
A	Đất phi thuế quan		1.015.406,98	38,89	1-7	1,69	1.687
I	Đất phi thuế quan		293.828,24	40	1-5	1,40	543
1	Đất phi thuế quan	PTQ01	286.094,75				
2	Đất giao thông nội bộ trong khu phi thuế quan		7.733,49				
II	Đất thương mại dịch vụ, văn phòng trong khu phi thuế quan		501.488,52	50	1-7	2,4	1.131
		PTQ02-TM	138.194,08	50	1-7	2,4	5
		PTQ03-TM	65.645,64	50	5-7	2,4	209
		PTQ04-TM	38.831,84	50	4-7	2,4	118
		PTQ05-TM	36.557,07	50	4-7	2,4	122
		PTQ06-TM	24.865,20	50	4-7	2,4	71
		PTQ07-TM	11.195,43	50	4-7	2,4	38
		PTQ08-TM	18.447,87	50	4-7	2,4	61

		<i>PTQ09-TM</i>	25.237,99	50	4-7	2,4	83
		<i>PTQ10-TM</i>	61.542,35	50	5-7	2,4	197
		<i>PTQ11-TM</i>	47.417,49	50	5-7	2,4	145
		<i>PTQ12-TM</i>	8.677,56	50	5	2,4	24
		<i>PTQ13-TM</i>	24.876,0	50	4-7	2,4	58
III	<b>Đất hành chính - công cộng (Trụ sở làm việc Hải Quan)</b>	<i>CQ01</i>	4.629,81	50	6	3,0	1
IV	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<i>HTKT</i>	10.424,90	40	2	0,8	1
V	<b>Đất CX-MN</b>		102.256,86				
		<i>CVCX1-CVCX5</i>	55.553,93	5	1	0,05	11
		<i>CXCQ1-CXCQ10</i>	26.676,95				
		<i>CXCL</i>	1.135,07				
		<i>MN</i>	18.890,91				
VI	<b>Đất giao thông - bãi xe</b>		102.778,65				
	<b>Đất bãi xe</b>	<i>BX1-BX4</i>	32.884,75				



	Đất giao thông		69.893,9			
	Đất Giao thông (các trục đường trong các khu chức năng)		25.291,28			
	Đất giao thông (đường Đồng Tranh)		44.602,62			
B	Đất giao thông trục đường Bắc Nam		26.080,91			
TỔNG			1.041.487,89			

### 7. Quy hoạch tầng hầm:

TT	Chức năng	Ký hiệu	Số tầng hầm	Diện tích sàn tầng hầm (m <sup>2</sup> )
1	Khối TMDV 1	TM1	1	19.003,1
2	Khối TMDV VPDV vui chơi giải trí.	A1	1	37.150,4
3	Trạm xử lý nước thải	XL	1	8.026,2
Tổng			1	64.179,70

### 8. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

#### 8.1. Cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch:

- Bộ cục quy hoạch, tổ chức không gian cảnh quan khu quy hoạch đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt;

- Cơ cấu tổ chức không gian của khu quy hoạch được chia làm các khu như: khu phi thuế quan, khu thương mại dịch vụ văn phòng trong khu phi thuế quan, kho bãi, khu công nghiệp sạch, khu hạ tầng kỹ thuật, khu cây xanh,..... có sự phân khu tương đối rõ ràng đảm bảo việc khai thác sử dụng công trình một cách hiệu quả;

- Việc thiết kế, xây dựng các công trình phải đảm bảo quy định chỉ giới xây dựng, khoảng lùi theo quy chuẩn và các quy hoạch được phê duyệt khác liên quan.

#### 8.2. Các yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- Các công trình kiến trúc phải đảm bảo khoảng lùi, chỉ giới xây dựng, tầng cao, có mặt tiền thoáng đẹp, tạo cảnh quan chung cho toàn khu quy hoạch;



- Các công trình dịch vụ ngoài trời phải đảm bảo thẩm mỹ, tiếng ồn, vệ sinh đối với các công trình bên cạnh;

- Các kiến trúc nhỏ (*các khối điêu khắc, đèn trang trí, bồn cây, bậc ngói, thùng rác, biển hướng dẫn, quảng cáo,...*) tại các trục đường đi bộ, vườn hoa tiểu cảnh... yêu cầu mỹ thuật biểu trưng cho khu quy hoạch;

- Cây, thảm cỏ trồng trong khuôn viên các công trình phải có hình thức trang trí đẹp, trồng tự nhiên hoặc trong bồn, các thảm cỏ lớn, các bể phun, các sân có mặt lát đẹp;

- Chiều cao công trình, màu sắc, đèn chiếu thực hiện theo Công văn số 1834/CVMN-QLC ngày 25/11/2022 của Cảng vụ Hàng không Miền Nam; cần ưu tiên các loại màu sáng nhưng không gây chói, phản quang và hạn chế các mảng màu tối. Khuyến khích các giải pháp chiếu sáng vào ban đêm để tạo được đặc thù của khu quy hoạch;

- Tầng hầm của dự án dùng để bố trí bãi đỗ xe hoặc phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy;

- Các vườn dạo, cây xanh cảnh quan cần kết hợp nghiên cứu giữa các yếu tố cây xanh - mặt nước và chiếu sáng vào ban đêm để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho khu quy hoạch.

## **9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:**

- Đường Bắc Nam (TL 46) (*ký hiệu mặt cắt 1-1*): Lộ giới rộng 60m, chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ là 20m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường Đồng Tranh (*ký hiệu mặt cắt 2-2*): Lộ giới rộng 30m, bao gồm mặt đường rộng 9mx2, dải phân cách giữa rộng 2m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m, chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ là 6m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường số 2 (*ký hiệu mặt cắt 3-3*): Lộ giới rộng 24m, bao gồm mặt đường rộng 14m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m, chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ là 6m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường nội bộ trong các khu chức năng (*ký hiệu mặt cắt 4-4*): Lộ giới rộng từ 4m- 30m, bao gồm mặt đường rộng từ 4m-30m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

### **9.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

#### **9.2.1. Quy hoạch san nền:**

Giải pháp san nền: Việc san nền dựa trên điều kiện địa hình tự nhiên, tuân thủ cao độ nền khống chế theo quy hoạch phân khu; đồng thời bám theo độ dốc thiết kế của các trục đường giao thông trong khu quy hoạch, đảm bảo việc thoát nước mặt một cách tốt nhất, không bị ngập úng. Cao độ nền khống chế xây dựng  $H_{xd} \geq 3m$  (*theo Hệ tọa độ Quốc gia*). Khối lượng đào - đắp được thể hiện trên bản vẽ quy hoạch san nền.

### **9.2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống nội bộ nằm dọc theo trục giao thông và đầu nối thoát nước vào các tuyến thoát nước chung của khu vực;

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa.

### **9.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:**

- Nguồn cấp nước cho khu quy hoạch được đầu nối với hệ thống cấp nước chung của đảo nhằm đảm bảo nguồn cấp nước ổn định và lâu dài;

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng  $5.354,81\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$ ;

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống cấp nước.

### **9.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:**

- Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch được lấy từ hệ thống cấp điện chung của đảo Phú Quốc, được đầu nối trên tuyến trung thế chung của khu vực;

- Toàn bộ hệ thống cấp điện được thiết kế và xây dựng ngầm;

- Tổng nhu cầu dùng điện khoảng:  $45.014,73\text{kVA}/\text{ngày}$ ;

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng.

### **9.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

#### **9.5.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:**

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải phải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại trước khi thoát ra các tuyến cống thu gom để dẫn về khu xử lý nước thải chung của khu vực xử lý. Trong giai đoạn đầu khi chưa có khu xử lý nước thải chung, xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ cho khu quy hoạch nhằm đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường;

- Tổng lưu lượng nước thải khoảng:  $3.358,03\text{m}^3/\text{ngày}$ ;

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

#### **9.5.2. Vệ sinh môi trường:**

Tổng khối lượng rác thải khoảng  $17.087,0\text{kg}/\text{ngày}$ . Rác thải được phân loại tại nguồn và thu gom hàng ngày, tập kết tại trạm thu gom rác tập trung của khu quy hoạch và được xe vận chuyển về khu xử lý rác thải chung của đảo để xử lý.

**Điều 2.** Giao Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Liên Thái Bình Dương có trách nhiệm liên hệ với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc cùng các Sở, ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ hồ sơ theo các nội dung nêu trên; Tổ chức công bố, công khai Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện và giám sát thực hiện; tiến hành cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa

- Triển khai lập, phê duyệt hoặc trình phê duyệt: Dự án đầu tư xây dựng; Bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi và giao đất hoặc cho thuê đất; Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy, xin phép xây dựng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Liên Thái Bình Dương cùng các Sở, ngành, UBND thành phố Phú Quốc và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*Cầm*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Ban;
- Lãnh đạo các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, Phòng QLQH, ntthuyen.

*me*

**KI. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Võ Công Sơn**

TIẾP